

Bản án số: 104/2018/DSST

Ngày: 20/8/2018

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Việt

2. Bà Đỗ Thị Thu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên Tòa: Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2016/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018, về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1070/ 2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1384/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970(Có mặt)

Trú tại: 780 Giải Phóng , Tổ dân phố 9, thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đ;

- Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1961

Trú tại: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1965

Trú tại: 57 N, phường B, TX.A, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1972

Trú tại: 95 Q, thị trấn N, huyện P, tỉnh B.

- Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1974

Trú tại: 23/13, tổ 71 khu phố 6A, phường T, quận M, TP.H.

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978- (Ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H, văn bản ủy quyền ngày 26/7/2017)

Trú tại: 31/93P. phường T, quận M, TP.H.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1979; Trú tại: 42/8/18 khu phố 4, đường T, Phường H, quận M, TP.H.

- Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1968

Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng H là anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970, địa chỉ : 780 Giải Phóng ,Tổ dân phố 9, thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đ theo các văn bản ủy quyền ngày 20/7/2017, ngày 26/7/2017, ngày 07/8/2017.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Q, sinh năm 1964(Vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2017, các bản tự khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thanh H và các nguyên đơn ủy quyền cho anh Hải trình bày: Về quan hệ gia đình có cha là Nguyễn Phước L(chết vào tháng 5/2016, mẹ là Đào Thị Th (chết vào tháng 3/2012), cha mẹ anh có sinh 09 người con gồm: Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng H. Cha mẹ anh không có con riêng con nuôi nào khác. Cha mẹ anh chết để lại 01 căn nhà trên diện tích đất 484,3m² thuộc thửa 482, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ở Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B. Về nguồn gốc di sản trên do cha mẹ anh tạo lập, đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha mẹ anh là Nguyễn Phước L và Đào Thị Th. Sau khi cha mẹ chết không để lại nghĩa vụ nào đối với bất kỳ ai. Ngoài di sản trên cha mẹ anh không còn để lại di sản nào khác .Tuy nhiên do trước khi mất cha mẹ anh không để lại di chúc nên chưa có định đoạt di sản nhà đất nói trên nên sau khi cha mẹ anh mất được 5 năm thì các anh em thống nhất bán nhà và đất thuộc di sản của cha mẹ để lại nhưng anh Nguyễn Quốc Q không đồng ý. Vì vậy anh cùng các anh chị em khởi kiện chia thừa kế toàn bộ di sản cha mẹ anh để lại là căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 484,3m² tọa lạc ở Thôn T, xã P theo pháp luật thừa kế. Anh H có trình bày bản thân anh sửa chữa nhà nhưng không yêu cầu trả lại phần tu bổ sửa chữa. Ngoài ra anh H không khai gì thêm cũng không yêu cầu thêm.

Các nguyên đơn khác gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng H đều ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh H nên thống nhất lời khai của anh H.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai trình bày như sau: Về mối quan hệ gia đình cha mẹ ông là Nguyễn Phước L và Đào Thị Thọ, còn các em ruột của ông là Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thanh H. Cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. Còn ông bà ngoại, ông bà nội đều đã mất từ lâu, không còn ai; Cha ông thì mất năm 2015, mẹ mất năm 2012; khi mất cha mẹ ông có để lại di sản là căn nhà cấp 4 trên diện tích 484,3m² tọa lạc ở Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B. Khi mất cha mẹ ông không để lại di

chúc, nhưng có công sức đóng góp của ông. Nay các em ông yêu cầu chia di sản do cha mẹ để lại gồm nhà đất nói trên thì ông không đồng ý chia mà muốn để lại lưu giữ cho thế hệ sau có nơi đi về sum họp, trường hợp các em ông vẫn kiên quyết chia thì ông yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước:

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, giao nộp chứng cứ, thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử đều đúng theo quy định của BLTTDS. Tuy nhiên về việc xác định thẩm quyền giải quyết của vụ án đã vi phạm khoản 4 Điều 8 Nghị Quyết 03/2012 của HĐTPTANDTC, ngày 03/12/2012, vì bị đơn đã cư trú tại thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đ thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nơi bị đơn cư trú.

-Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát không phát biểu về nội dung do Tòa án đã vi phạm thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào các kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có đối tượng di sản tranh chấp duy nhất là nhà đất tọa lạc ở Thôn T, xã P, huyện T; Vụ án không có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B theo qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc Tòa án đã tiêu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn Nguyễn Quốc Q vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu của anh Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ anh là Nguyễn Phước L và Đào Thị Th để lại gồm 01 căn nhà trên đất diện tích đất 484,3m² gồm 300m² đất ở và 184,3m² đất vườn thuộc thửa 482, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ở Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B theo pháp luật thừa kế là có căn cứ. Bởi vì ông Nguyễn Phước L và bà Đào Thị Th có để lại di sản là nhà đất nói trên nhưng không để lại di chúc để định đoạt di sản này, ông bà cũng không để lại nghĩa vụ phải thanh toán, mà những người yêu cầu chia thừa kế đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L bà Th trong khi đó ông L chết năm 2015, bà Th chết năm 2012 nên thời hiệu chia thừa kế vẫn còn, di sản này không có người quản lý. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 649, 650, 651 và 660 BLDS năm 2015 để chia di sản của ông L bà Th theo quy định, mỗi thừa kế có kỹ phần bằng nhau. Về giá trị di sản là nhà đất theo kết quả của Hội đồng định giá ngày 19/01/2018 thì nhà đất cũng như tài sản trên đất thuộc thửa 482, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ở Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B có giá trị đất là 41.248.000đ, các tài sản trên đất là 133.379.000đ tổng giá trị là 174.627.000đ nhưng theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 700.000đ/m² đất ở do đó phần đất trên theo giá thị trường là (300m² x

$700.000\text{đ}/\text{m}^2) + (184,2\text{m}^2 \times 55.500\text{đ}/\text{m}^2) = 220.228.000\text{đ}$ nên tổng giá trị nhà đất là 353.607.000đ. Mặc dù anh H và ông Q đều khai có tu bổ sửa nhà, anh H không yêu cầu hoàn trả nên Tòa không xét, riêng ông Q đã tổng đạt các thủ tục vẫn không đến Tòa, như vậy xem như ông không yêu cầu. Vì vậy mỗi kỷ phần được chia là 39.289.000đ. Đối với yêu cầu của anh H xin nhận nhà đất và có trách nhiệm thối lại các kỷ phần cho các đồng thừa kế bằng giá thị trường là phù hợp nên được chấp nhận.

[2].2. Xét lời nại của ông Nguyễn Quốc Q về việc yêu cầu để lại di sản làm nơi thờ cúng nhưng các đồng thừa kế không đồng ý nên không thể thỏa mãn yêu cầu của ông.

[3] Về chi phí định giá tài sản: Anh H tự nguyện chịu 3.000.000đ, anh H nộp xong.

[4] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi người được nhận thừa kế phải chịu án phí DSST tương đương với giá trị di sản được nhận x 5 % sung công quỹ nhà nước.

Tiền tạm ứng án phí Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thanh H mỗi người đã nộp 750.000đ được khấu trừ vào án phí.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Bởi lẽ căn cứ vào việc các bên không tranh chấp thừa kế mà chỉ yêu cầu chia di sản, mà đối tượng tranh chấp là 01 ngôi nhà và đất duy nhất ở Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B. Trong khi đó việc giải quyết nhà đất cần việc xác minh nguồn gốc cũng như phân chia, cân đối giao cho ai quản lý để phù hợp với quy định pháp luật quản lý đất đai ở địa phương. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 228 BLTTDS, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xác định ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 484,3m² thuộc thửa 482, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ở Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B di sản duy nhất của Nguyễn Phước Lvà bà Đào Thị Th để lại.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia di sản trên theo pháp luật. Di sản trên được phân chia cho các đồng thừa kế theo mỗi kỷ phần bằng nhau, có giá trị bằng tiền là 39.289.000đ.

Giao cho anh Nguyễn Thanh H được quyền sở hữu căn nhà và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 484,3m²; có giới cận: Đông giáp đất ở của bà

Nguyễn Thị Mận, Tây giáp đất ở của Nguyễn Thanh Nam, Bắc giáp đất ở Phan Châu Trinh, Nam giáp đường đi liên xóm; thuộc thửa 482, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ở Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B. Thửa đất này đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 917245, ngày 04/11/2011 đứng tên ông Nguyễn Phước L và bà Đào Thị Th nên anh H có quyền kê khai đăng ký nhà và đất nói trên với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ thôi lại cho Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Quốc Q, mỗi người theo mỗi kỳ phân bằng tiền là 39.289.000đ/người.

Bác lời nài của ông Nguyễn Quốc Q về việc không đồng ý chia di sản.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành của bên được thi hành, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản đã tuyên thì hàng tháng phải chịu lãi xuất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 ứng với khoản tiền chậm thi hành.

Về chi phí định giá tài sản: Anh H tự nguyện chịu 3.000.000đ, anh H nộp xong.

Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Quốc Q, Nguyễn Thanh H mỗi người phải chịu 1.964.000đ sung vào ngân sách nhà nước.

Tiền tạm ứng án phí DSST: Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, mỗi người đã nộp 750.000đ theo các biên lai thu tiền số 0002009, 0002008, 0002002, 0002003, 0002007, 0002006, 0002004, 0002005, ngày 16/8/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện E1, tỉnh Đ được khấu trừ vào án phí. Do đó Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Mỹ L, mỗi người còn phải nộp 1.214.000đ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20 tháng 8 năm 2018). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã, phường nơi họ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng KTNV TAND tỉnh B .
- Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy